TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02/3/2023
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M – TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà **Nguyễn Hải Hằng**

- *Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Lương Phi Sơn**

2/ Ông **Nguyễn Hữu Tuấn**

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Lê Hoàng Khâm** – là Thư ký Toà án thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa:* (Không thuộc trường hợp phải tham gia phiên tòa)

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 363/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, về việc: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Thúy K**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp Đông Thạnh, xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Minh T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 9, khóm 2, phường Cái Vồn, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

(Chị K xin vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 18/8/2022 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Thúy K trình bày:

Chị và anh T quen biết, tìm hiểu và kết hôn với nhau trước sự đồng ý và chứng kiến của hai bên gia đình, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 18/11/2021. Khi cưới, bên chồng có cho một số nữ trang cưới nhưng sau ngày cưới, vợ chồng chị đã bán hết để tiêu xài trong gia đình nên không còn. Khi lấy nhau xong thì vợ chồng chị về quê chồng sinh sống.

Quá trình chung sống, chị và anh T thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột dẫn đến mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và trong tình cảm vợ chồng. Nguyên nhân do anh T thường xuyên đi nhậu về rồi đánh đập, chửi bới, xúc phạm danh dự chị nên chị về bên cha mẹ ruột sinh sống. Chị và anh T ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng chị không liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm. Chị xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lê Minh T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc yêu cầu cung cấp chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp nhưng anh T không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị K.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị K có đơn xin xét xử vắng mặt.

Anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Trần Thị Thúy K có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Lê Minh T đã được Tòa án đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án

ra xét xử và Giấy triệu tập lần 1 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh T đã được tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, anh T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị K và anh T theo quy định tại Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh T quen biết, tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2021, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo lời trình bày của chị K thì vợ chồng chị thường xảy ra cự cãi, mâu thuẫn và bất đồng quan điểm do anh T thường xuyên đánh đập, chửi bới và xúc phạm danh dự chị. Anh chị ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị mỗi người sinh sống một nơi, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Thời gian xa nhau đến nay chị K khẳng định không còn tình cảm với anh T nên xin ly hôn với anh T. Đối với anh T, quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn vắng mặt chứng tỏ anh không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của mình, không thể hiện thiện chí đoàn tụ. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị K và anh T đã trầm trọng, đời sống chung của anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị K được ly hôn với anh T là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

[3] Về con chung: Chị K và anh T không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị K phải chịu nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào điều 9, 19, 51, 56, 59 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014; Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thúy K.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Thúy K được ly hôn với anh Lê Minh T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị K phải nộp 300.000đ được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013040 ngày 02/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M. Chị K đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hải Hằng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TX.M;
- Chi cục THADS TX.M;
- Đương sự;
- Lưu.